

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HS-ST.
Ngày: 21/10/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Văn Huynh.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/HSST-QĐ ngày 26/8/2021; Thông báo dời ngày xét xử số: 1522/2021/TB-TA ngày 21/9/2021, đối với bị cáo:

Trương Kiến M, sinh năm 1998, tại Đồng T. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 3, khóm Phú H, thị trấn Cái Tàu H, huyện Châu T, tỉnh Đồng T; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn) 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Kiến T (đã chết) và bà Nguyễn Thanh T; bị cáo chung sống như vợ chồng với Lê Thị Mỹ L, sinh năm: 2001; có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 04/5/2021.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Chị Tòng Thị L, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Thôn Bản C, xã Quài T, huyện Tuần G, tỉnh Điện B.

Nơi sinh sống: Khu phố Bình C, phường Khánh B, Thị xã Tân U, tỉnh Bình D. (Có mặt)

- Người làm chứng: Chị Phan Thị L, sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 12/2020, Trương Kiên M kết bạn với chị Tòng Thị L thông qua mạng xã hội (Zalo) và đã có tiếp xúc với nhau. Đến ngày 17/12/2020, do không có tiền tiêu xài nên M đã nảy sinh ý định cướp tài sản của chị L. Tiến hành, M chuẩn bị 01 con dao dài khoảng 20cm, cán nhựa màu đen, lưỡi sắc nhọn và mua 01 cuộn băng keo màu trắng, M điện thoại hẹn gặp chị L tại nhà nghỉ Nghệ A thuộc ấp 3, xã An P, huyện Long T. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, M đi xe honda ôm đến nhà nghỉ Nghệ A thuê phòng số 105 rồi điện thoại cho chị L biết. Sau đó, chị L đến phòng 105 gặp M, cả hai cùng nằm trên giường tâm sự thì M yêu cầu quan hệ tình dục, chị L đồng ý. M kêu chị L nằm úp xuống giường, M ngồi trên người chị L rồi dùng tay bịt miệng và lấy dao kề vào hông đe dọa chị L, M tháo lấy sợi dây chuyền thì bị chị L phản ứng chụp lấy dao, cả hai giằng co làm lưỡi dao bị gãy, M nhặt lưỡi dao đâm trúng vào vai, ngực và tay trái của chị L, chị L hoảng sợ nên không chống cự. Lợi dụng lúc M mặc quần áo, chị L bỏ chạy thì bị M kéo lại rồi dùng tay đâm vào đầu, mặt chị L và giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng, 01 vòng đeo tay bằng vàng của chị L đang đeo trên người rồi tẩu thoát, chị L tri hô thì được chị Phan Thị L (chủ nhà nghỉ) đến đưa đi Bệnh viện cấp cứu.

Sau khi tẩu thoát, M đã làm rơi mất điện thoại và 01 vòng đeo tay vừa cướp được của chị L, còn sợi dây chuyền vàng M mang đến tiệm vàng ở Thành phố Vũng Tàu (không nhớ tên, địa chỉ) bán được 1.100.000 đồng và tiêu xài hết. Đến ngày 04/5/2021, M bị bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số: 59/KL-ĐGTS ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng vàng 10K, trọng lượng 01 chỉ. Tổng trị giá là 6.680.000 (Sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 1212/TgT/2020 ngày 31/12/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Đồng Nai kết luận thương tích của Tòng Thị L như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Sẹo vai phải kích thước 02 x 0,3cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%.
 - Sẹo vai trái kích thước 2,5 x 0,3cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%.
 - Sẹo ngực phải kích thước 1,3 x 0,2cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.1). Tỷ lệ: 01%.
 - Sẹo cánh tay trái kích thước 03 x 0,3cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.2). Tỷ lệ: 02%.

- Sẹo ngón 2 tay trái kích thước 3,5 x 0,3cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.2).
Tỷ lệ: 02%.

- Sẹo ngón 3 tay trái kích thước 1,5 x 0,2cm. (Áp dụng Chương 8, mục I.1).
Tỷ lệ: 01%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tòng Thị L áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư là: 08% (Tám phần trăm).

3. Kết luận khác:

Vật gây thương tích:

+ Chấn thương đầu, mặt cổ do vật tày.

+ Chấn thương vai, ngực, tay trái do vật sắc.

Tại bản Cáo trạng số 150/CT-VKSLT ngày 07/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Trương Kiến M về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Kiến M về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như Cáo trạng đã nêu đồng thời đề nghị. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Kiến M mức án tù 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Kiến M phải bồi thường thiệt hại cho chị Tòng Thị L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại trình bày: Lời khai của bị cáo M là đúng, bị cáo đã dùng dao không chế chiếm đoạt tài sản của chị là 01 sợi dây chuyền vàng 10k, trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay vàng 10K, trọng lượng 01 chỉ và còn gây ra thương tích cho chị, phải nằm viện điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành. Đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Kiến M đã khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai nhận: Lúc 16 giờ 30 phút ngày 17/12/2020, tại phòng số 105 Nhà nghỉ Nghệ A thuộc ấp 3, xã An P, huyện Long T bị cáo có hành vi dùng dao đâm trúng vào vai, ngực, tay trái và dùng tay nắm vào vùng đầu, mặt của chị L rồi chiếm đoạt tài sản của chị L gồm: 01 sợi dây chuyền, 01 vòng đeo tay bằng vàng.

Lời khai nhận của bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của bị hại cùng các chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Trương Kiến M thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, bất chấp quy định pháp luật, bị cáo có hành vi dùng vũ lực, sử dụng hung khí tác động vào thân thể của chủ sở hữu tài sản làm cho họ không thể kháng cự lại nhằm thực hiện việc chiếm đoạt tài sản và đã thực hiện trót lọt tội phạm.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, mức án bị cáo nhận lãnh phải thật nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt.

Đối với phần trình bày và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Đối với phần trình bày của bị cáo Trương Kiến M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa.

Đối với phần trình bày của bị hại đã được xem xét và xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo, phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng Hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ.

[5] Biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại chị Tòng Thị L yêu cầu bị cáo M phải bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo M đã chiếm đoạt là 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 02 chỉ, 01 vòng đeo tay bằng vàng 10K, trọng lượng 01 chỉ, tổng số tiền là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng; Chi phí điều trị thương tích, tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 44.000.000 (Bốn mươi bốn triệu) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo M không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, vì số tiền bồi thường theo yêu cầu của bị hại là quá cao, bị cáo không có khả năng để bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ. Phần bồi thường thiệt hại cho bị hại được tính cụ thể như sau:

Về tài sản: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 10k, trọng lượng 02 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng vàng 10K, trọng lượng 01 chỉ. Tổng trị giá 6.680.000 (Sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Về chi phí điều trị thương tích:

- Tiền xe đi lại và ra Hội đồng giám định pháp Y, số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng;

- Chi phí điều trị thương tích cho bị hại, theo biên bản xác minh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành cung cấp ngày 12/10/2021. Tổng số tiền 2.498.049 (Hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi chín) đồng;

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho bị hại sau khi ra viện là 07 ngày: 07 ngày x 200.000đồng/1ngày = 1.400.000 (Một triệu bốn trăm nghìn) đồng;

- Khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tính 05 lần: 1.490.000 đồng x 05 = 7.450.000 (Bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tổng cộng: 15.348.049 (Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi chín) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Trương Kiến M phải bồi thường cho bị hại chị Tòng Thị L là 22.028.000 (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Vật chứng: 01 cán dao màu đen dài 10cm, 01 cuộn băng keo màu trắng là công cụ do bị cáo M sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, tịch thu tiêu hủy.

(Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/7/2021).

Riêng lưỡi dao, bị cáo đã bỏ thất lạc không thu hồi được để xử lý.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Trương Kiến M phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 269, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 327, Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Kiến M phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

1- Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Trương Kiến M 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 04/5/2021.

Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Kiến M phải bồi thường cho bị hại chị Tòng Thị L số tiền 22.028.000 (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 cán dao màu đen dài 10cm, 01 cuộn băng keo màu trắng do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành đang tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/7/2021).

2- Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Trương Kiến M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3- Quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Kiến M, bị hại chị Tòng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người tham gia tố tụng;
- VKS ND H. Long Thành;
- VKS ND T. Đồng Nai;
- CQĐT CA H. Long Thành;
- Trại tạm giam, trại giam;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Tấn Cảnh